

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án thu hồi sản phẩm nạo vét vùng nước đường thủy,
cảng, bến thủy để sử dụng cho công trình xây dựng trên địa bàn
tỉnh Cà Mau giai đoạn năm 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*
- Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*
- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*
- Căn cứ Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;*
- Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam; Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*
- Căn cứ Thông tư số 43/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn Nghị định số 57/2024/NĐ-CP về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;*
- Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;*

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 06-KH/TU ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 12-KH/ĐU ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 0182/KH-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9153/TTr-SXD ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc phê duyệt Đề án thu hồi sản phẩm nạo vét vùng nước đường thủy, cảng, bến thủy để sử dụng cho công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn năm 2026 - 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Đề án thu hồi sản phẩm nạo vét vùng nước đường thủy, cảng, bến thủy để sử dụng cho công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn năm 2026 - 2030.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Tài chính, NN&MT;
- UBND các xã, phường;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng: NN-XD, KTTH;
- Lưu: VT, KP533/12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Quang Ngời

ĐỀ ÁN
Thu hồi sản phẩm nạo vét vùng nước đường thủy, cảng, bến thủy
để sử dụng cho công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau
giai đoạn năm 2026 - 2030¹
(Ban hành kèm Quyết định số 04 /QĐ-UBND ngày 05 /01 /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án:

Trên địa bàn tỉnh Cà Mau, tình trạng nhiều tuyến đường thủy, cảng, bến thủy, cửa sông, cửa biển, thậm chí là một số kênh thủy lợi bị bồi lắng, không đảm bảo tiêu chuẩn luồng vận tải, làm ảnh hưởng đến giao thông thủy, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và hoạt động kinh tế - xã hội khác. Để duy trì hoạt động và đầu tư nâng cấp theo định hướng quy hoạch thì việc nạo vét duy tu, chỉnh trị hoặc nâng cấp mở rộng luồng đường thủy trong giai đoạn hiện nay yêu cầu phải được thực hiện thường xuyên trong điều kiện luồng chưa đảm bảo theo quy định. Từ hoạt động nạo vét vừa nêu phát sinh một lượng lớn bùn cát và các sản phẩm khác (cây cỏ, vật dụng từ hoạt động hàng ngày... bị chìm lắng dưới lòng kênh) cần phải có nơi chứa đảm bảo môi trường, tốn nhiều diện tích đất và nguồn lực để thực hiện; hoặc được phân loại, xử lý để sử dụng vào mục đích phù hợp. Tuy nhiên, việc tận dụng sử dụng sản phẩm nạo vét vừa nêu đến nay chưa được quan tâm đúng mức, bên cạnh đó thì còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu thực hiện như: Việc chứa, xử lý sản phẩm nạo vét để có thể sử dụng; xác định đối tượng có thể sử dụng được sản phẩm này; hiệu quả kinh tế; tính bền vững; các tác động có liên quan...

Trong khi đó, một vấn đề đặt ra khác đối với tỉnh Cà Mau là nhu cầu và giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau, đặc biệt là vật liệu đất, cát san lấp và một số loại đá xây dựng dùng để san nền, gia cố lề đường, bờ bao, bờ kênh, thậm chí để gia cố khẩn cấp sạt lở, đối với công trình luôn tăng cao do triển khai ngày càng nhiều các dự án hạ tầng giao thông, thủy lợi, công trình công cộng, phát triển đô thị và các khu kinh tế, khu công nghiệp. Tuy nhiên, nguồn cung của tỉnh gần như không có, phụ thuộc chủ yếu vào các tỉnh lân cận, dẫn đến giá vật liệu tăng cao, thiếu chủ động và khan hiếm về nguồn cung và ảnh hưởng đến tiến độ các dự án cũng như xử lý các tình trạng khẩn cấp do thiên tai.

Kinh nghiệm từ một vài công trình đã thực hiện và qua đánh giá các sản phẩm thu hồi từ nạo vét nhận thấy có thể phân loại, xử lý và tận dụng một số có thể tận thu làm vật liệu san nền, gia cố lề đường, bờ bao, bờ kênh, thậm chí làm ngân hàng vật liệu tại chỗ để gia cố khẩn cấp sạt lở..., góp phần giảm áp lực về nguồn cung vật liệu cát, đá san nền, giảm chi phí đầu tư, chủ động một phần nguồn cung

¹ Tên đề án theo kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy là “Tận thu khoáng sản khi nạo vét đường thủy nội địa, cửa sông, cửa biển để làm vật liệu san lấp; gắn với giải pháp cung ứng vật liệu xây dựng (chủ yếu là cát, đá) đảm bảo nhu cầu xây dựng của tỉnh”. Xin chính lại cho phù hợp với quy định các quy định chuyên ngành.

trong tình trạng khẩn cấp, góp phần xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường từ hoạt động nạo vét và quỹ đất dùng để chôn lấp sản phẩm này... Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng Đề án để giải quyết các vấn đề đặt ra như đã trình bày trên là cần thiết, nhằm giải quyết vướng mắc bãi chôn lấp chất nạo vét, đồng thời giải quyết một phần nhu cầu về vật liệu san nền. Bên cạnh đó, còn góp phần khai thác tiềm năng lợi thế về giao thông thủy, đảm bảo nhu cầu về cấp thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau hiện nay và trong giai đoạn mới của đất nước.

2. Cơ sở để thực hiện

a) Về mặt chủ trương:

Việc xây dựng Đề án nhằm thực hiện chủ trương từ nghị quyết và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các kế hoạch của Ban thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, cụ thể là:

- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 24/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

- Kế hoạch số 06-KH/TU ngày 24/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau về việc thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

- Kế hoạch số 0182/KH-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

b) Về cơ sở pháp lý:

Việc thực hiện nạo vét, thu hồi sản phẩm nạo vét, sử dụng sản phẩm nạo vét vào một số bộ phận công trình, công trình xây dựng đã có các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, định hướng quy hoạch của tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu trước khi hợp nhất tỉnh như sau:

- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

- Luật Xây dựng và các văn bản dưới luật có liên quan;

- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

- Thông tư 43/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn Nghị định 57/2024/NĐ-CP về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

- Thông tư 28/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam; Thông tư 23/2022/TT-BTNMT ngày 26/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư 28/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành xây dựng (liên quan đến vật liệu đất, cát, an toàn kết cấu...).

c) Về điều kiện thực tế

Tỉnh Cà Mau hiện nay được hợp nhất từ tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau cũ theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Hiện nay, công tác lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh đang triển khai thực hiện, chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt, nên các hoạt động nạo vét chủ yếu vẫn phải thực hiện theo định hướng phát triển kinh tế xã hội được xác định tại:

- Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Các báo cáo đề xuất của các xã, phường gửi đến Sở Xây dựng (gồm cả nhu cầu nạo vét có sản phẩm thu hồi và nhu cầu sử dụng vật liệu có thể thay thế một phần bằng sản phẩm nạo vét).

Bên cạnh đó, thì hiện nay trên địa bàn tỉnh có nhiều dự án do Trung ương đang và dự kiến đầu tư như Sân bay Cà Mau, các tuyến cao tốc, đường kết nối với Hòn Khoai, Cảng Hòn Khoai.... đã tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vì vậy, tỉnh Cà Mau cần phải tập trung đầu tư các công trình để kết nối và khai thác lợi thế từ các công trình do Trung ương đầu tư vừa nêu, trong đó, đáng chú ý là đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông thủy để kết nối cảng biển, giao thông bộ và hệ thống thủy lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế biển, nông nghiệp, công nghiệp chế biến... đã được xem là một trong những thế mạnh của tỉnh. Từ việc đầu tư nhiều công trình của Trung ương làm gia tăng mạnh mẽ thêm tình trạng tăng giá, khan hiếm nguồn vật liệu cát, đá đang xảy ra, trong khi tỉnh Cà Mau không có mỏ vật liệu xây dựng và đầu tư nạo vét vùng nước hệ thống giao thông thủy, cảng, bến thủy và hệ thống thủy lợi lại dẫn đến tăng khối lượng sản phẩm cần thu hồi, xử lý để đảm bảo môi trường, chủ yếu sản phẩm thu hồi này là bùn đất, bùn đất pha cát..., có thể thay thế một phần cát, đá trong san nền và một số bộ phận công trình xây dựng.

Từ phân tích trên, nhận thấy đủ điều kiện để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành Đề án ***“Thu hồi sản phẩm nạo vét vùng nước đường thủy, cảng, bến thủy để sử dụng cho công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn năm 2026 – 2030”*** (sau đây gọi tắt là Đề án) như sau:

II. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI, YÊU CẦU THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030, Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 24/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Kế hoạch số 06-KH/TU ngày 24/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau về việc thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Xây dựng ngân hàng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau để cung ứng một phần nhu cầu về vật liệu san nền, làm bờ bao, gia cố lề đường, bờ sạt, bờ biển, khắc phục hư hỏng do thiên tai..., góp phần giảm khan hiếm nguồn vật liệu (cát, đất đá san nền...) trong xây dựng; giảm chi phí xây dựng công trình.

- Thực hiện bảo trì, cải tạo, nâng cấp nhằm bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho hoạt động của: Các tuyến đường thủy, cảng, bến thủy, một số kênh thủy lợi được xác định tại Quy hoạch tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu (cũ) thời kỳ 2021-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; một số tuyến kênh cần nạo vét có thể thu hồi sản phẩm do các xã, phường đề xuất. Tăng khả năng kết nối đảm bảo nhu cầu về cấp thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và góp phần khai thác lợi thế từ các công trình trọng điểm của Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Góp phần giảm quỹ đất sử dụng để chôn lấp sản phẩm nạo vét (nếu không được tận dụng để sử dụng cho công trình); góp phần kiểm soát chất nạo vét để giảm tác động của sản phẩm nạo vét đến môi trường, nhất là môi trường nuôi trồng thủy sản.

2. Phạm vi, đối tượng và yêu cầu thực hiện

- Thời gian thực hiện Đề án là từ năm 2026 đến 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Đối tượng nạo vét có thể thu hồi sản phẩm trong phạm vi nghiên cứu, áp dụng của Đề án là:

+ Một số tuyến đường thủy tại Phụ lục VII, các cảng, bến thủy tại Phụ lục VI, các kênh thủy lợi tại Phụ lục XX của Quy hoạch tỉnh Cà Mau được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16/11/2023.

+ Một số tuyến đường thủy tại Phụ lục VIII, các bến tại Phụ lục IX, các kênh thủy lợi tại mục A.II Phụ lục XII của Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08/12/2023.

+ Kế hoạch phát triển giao thông thủy trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026-2030 (cũng thuộc Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 24/10/2025 của Tỉnh ủy).

+ Các tuyến sông, kênh, rạch cần nạo vét mà có thể thu hồi sản phẩm do các xã, phường đề xuất và thuộc nhiệm vụ quản lý của cấp xã.

(Ghi chú: Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu quy hoạch có điều chỉnh thì thực hiện theo quy hoạch mới được phê duyệt).

- Đối tượng bộ phận công trình, công trình được sử dụng sản phẩm từ nạo vét khi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (*chủ yếu là công trình của tỉnh, xã, phường và cả trong dân đầu tư*): San nền (bao gồm làm bờ bao san lấp); gia cố lề đường khi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; gia cố bờ sạt, bờ biển, khắc phục hư hỏng do thiên tai; sử dụng trong một số công trình hạ tầng kỹ thuật để trồng cây...; hoặc trường hợp khác (bao gồm nạo vét đưa trực tiếp vào công trình khi được cơ quan chuyên môn theo phân cấp quản lý về dự án xây dựng đồng ý)

- Yêu cầu trong việc thực hiện Đề án:

+ Phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, kế hoạch có liên quan.

+ Đảm bảo phòng chống sạt lở, bảo vệ bờ, bãi sông, bảo vệ môi trường và sự đồng thuận của cộng đồng dân cư liên quan khu vực nạo vét.

+ Đảm bảo chất lượng, nâng cao hiệu quả (về chi phí, tiến độ...) cho công trình xây dựng khi sử dụng sản phẩm từ nạo vét; tránh thất thoát lãng phí.

III. THỰC TRẠNG VIỆC NẠO VÉT VÀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM NẠO VÉT CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Hiện nay, tỉnh Cà Mau có 170 tuyến sông, kênh chính thuộc hệ thống đường thủy nội địa do Trung ương, tỉnh quản lý với tổng chiều dài 2.421,6km (trong đó, Trung ương quản lý 12 tuyến, chiều dài 389,1km; Tỉnh quản lý 31 tuyến, chiều dài 594,01km; còn lại 127 tuyến, chiều dài 1.438,49km thuộc cấp xã quản lý). Tuyến giao thông thủy quan trọng quốc gia như: Kênh Quản lộ Phụng Hiệp, sông Trèm Trèm, sông Ông Đốc, sông Gành Hào, kênh Tắc Vân, Vàm Léo – Cà Mau... với 16 vị trí cửa biển như: Khánh Hội, Vàm Ông Đốc, Mỹ Bình, Cái Đôi Vàm, Bảy Háp, Rạch Tàu, Rạch Góc, Bò Đề, Hố Gui, Lồng Đèn, kênh 30/4 – Bạc Liêu, kênh Cầu Sập – Ninh Quới, Giá Rai – Cạnh Đèn, Hộ Phòng Chủ Chí, Xóm Lung – Cái Cù... tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông kết nối với bên ngoài, các khu vực lân cận và kết nối với đường biển. Mạng giao thông đường thủy có quan hệ mật thiết với giao thông đường bộ và giao thông đường biển, gắn liền với các hoạt động kinh tế, xã hội của tỉnh. Ngoài ra, còn hệ thống sông, kênh, rạch có thể khai thác vận tải thủy do ngành thủy lợi quản lý với tổng chiều dài hàng chục nghìn km, mặt cắt ngang từ 6 - 20m, phương tiện lưu thông chính là ghe, xuồng dân sinh (chi tiết các tuyến sông, cửa biển xem Phụ lục 1 đính kèm).

Hiện trạng nhiều tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh đang bị bồi lắng, nhất là tại khu vực cửa sông, cửa biển chưa thể hoặc chỉ đáp ứng một phần nhu cầu khai thác sử dụng hiện tại, công việc nạo vét chưa được thực hiện thường xuyên do điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn chế trong những năm qua. Bên cạnh nguồn vốn ngân sách, tỉnh đã thực hiện chính sách xã hội hóa nạo vét tận thu sản phẩm theo quy định pháp luật; hàng năm tỉnh ban hành danh mục kêu gọi xã hội hóa (năm 2026 và các năm tiếp theo tại Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Cà Mau). Hiện nay, đã lựa chọn được 04 nhà đầu tư

thực hiện dự án nạo vét (Dự án nạo vét cửa Cái Đôi Vàm; nạo vét cửa Rạch Gốc; nạo vét sông Đầm Dơi (đoạn từ ngã ba Mương Điều đến khu vực UBND xã Tạ An Khương) và nạo vét sông Gành Hào và kênh Bạc Liêu – Cà Mau (thuộc nội ô thành phố Cà Mau)). Hệ thống giao thông thủy, kênh thủy lợi (có kết hợp giao thông thủy) trong giai đoạn 2026-2030 đã được xác định cụ thể tại Quy hoạch tỉnh Cà Mau được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 và Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 (xem chi tiết tại bản đồ đính kèm).

Về bãi chứa chất nạo vét thì hiện nay trên địa bàn tỉnh chỉ có 01 bãi chứa của nhà nước tại ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, 01 khu làm ngân hàng đất tại xã Cái Nước và còn lại một số bãi chứa rải rác của các doanh nghiệp tư nhân tự đầu tư theo dự án tham gia thực hiện, nhưng quy mô không đáng kể, việc khai thác vận hành chưa được chuyên nghiệp, dễ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Về sản phẩm thu hồi được từ nạo vét: Trên cơ sở số liệu thống kê từ đề xuất của các phường, xã và số liệu quản lý của Sở Xây dựng thì tổng sản phẩm nạo vét có thể thu hồi được từ các tuyến đường thủy, bến thủy, cảng trên địa bàn tỉnh Cà Mau đạt khoảng 40-45 triệu m³, tuy nhiên để đảm bảo phù hợp giữa tiến độ nạo vét, nhu cầu sử dụng các công trình nạo vét có hiệu quả, hạn chế nguy cơ sạt lở bờ sông và đặc biệt cân đối với cầu sử dụng sản phẩm thu hồi từ nạo vét cho công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh thì trong giai đoạn 2026-2030 sẽ ưu tiên nạo vét khoảng 15-25% các khu vực ở những vị trí cần thiết nhất, ước khối lượng khoảng 18,0 triệu m³ (gồm khoảng 13,9 triệu m³ đối với các dự án do tỉnh quản lý và khoảng 4,1 triệu m³ đối với các dự án do cấp xã quản lý; chi tiết thể hiện tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 đính kèm; khối lượng này sẽ xác định cụ thể trong quá trình khảo sát, lập dự án cụ thể khi thực hiện Đề án). Theo đánh giá sơ bộ từ kinh nghiệm đã qua thì 1,5-2,0 m³ nạo vét có thể xử lý được 1,0 m³ sản phẩm sử dụng được cho công trình tùy theo điều kiện kỹ thuật yêu cầu, ước tính sau khi trừ hao hụt do vận chuyển... thì có thể tạo ra được khoảng 8-9 triệu m³ sản phẩm đưa vào sử dụng cho công trình trong giai đoạn năm 2026 – 2030, trung bình mỗi năm tạo ra khoảng 1,6-1,8 triệu m³ sản phẩm.

Về nhu cầu vật liệu xây dựng công trình có sử dụng từ một phần sản phẩm thu hồi từ nạo vét để thay thế: Hiện nay, ngoài nhu cầu sử dụng đất để đắp bờ kênh, lè đường, san lấp một số vị trí mặt bằng thì nhu cầu sử dụng vật liệu cát, đá có thể thay thế một phần bằng đất, cát từ sản phẩm nạo vét là rất lớn và đang xảy ra tình trạng khan hiếm, theo thống kê từ các báo cáo là khoảng 8,1 triệu m³, nhưng dự báo có thể lên đến khoảng 9-10 triệu m³ cho giai đoạn từ năm 2026 đến 2030, ước tính mỗi năm có nhu cầu khoảng 1,6-1,8 triệu m³ sản phẩm đã xử lý từ chất nạo vét được thu hồi (chi tiết xem Phụ lục 2 đính kèm).

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP:

1. Hoàn thiện khung pháp lý (về quy hoạch và quản lý giao thông đường thủy, hướng dẫn việc sử dụng sản phẩm thu hồi từ nạo vét trên địa bàn tỉnh...):

- Rà soát, cập nhật, bổ sung phần phát triển giao thông đường thủy, bến thủy, cảng, kênh thủy lợi (hoặc có kết hợp giao thông thủy)... vào Quy hoạch tỉnh

Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 theo Quyết định số 01580/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan. Tuy nhiên, trước mắt vẫn tiếp tục sử dụng theo quy hoạch của tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu (cũ) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Rà soát và thực hiện việc phân cấp, giao nhiệm vụ quản lý các tuyến đường thủy, bến thủy trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Ban hành hướng dẫn quản lý và sử dụng sản phẩm thu hồi từ nạo vét để làm vật liệu san nền, gia cố lề đường, công trình gia cố bờ sông, đê biển, công viên... trên địa bàn tỉnh; việc sử dụng thiết bị nạo vét đảm bảo an toàn cho khu vực lân cận; và các hướng dẫn phát sinh khác (nếu có) trong quá trình thực hiện.

2. Thực hiện đầu tư các bãi chứa (để tiếp nhận, phân loại, xử lý, cung ứng sản phẩm thu hồi từ nạo vét); **việc thực hiện các công trình/dự án nạo vét để thu hồi sản phẩm:**

a) Về đầu tư, vận hành các khu chứa, phân loại và xử lý sản phẩm thu hồi từ nạo vét:

Khi thực hiện nạo vét thì tùy theo điều kiện, thời điểm thực hiện cụ thể mà sản phẩm nạo vét có thể phân loại, xử lý đưa ngay sử dụng cho công trình có nhu cầu, tuy nhiên trường hợp này rất ít xảy ra, mà hầu hết phải đưa đến bãi chứa để phân loại, xử lý cho đến khi đủ yêu cầu kỹ thuật (hàm lượng hữu cơ, độ ẩm, trạng thái đất...), và đến khi công trình có nhu cầu thì mới đưa vào sử dụng. Vì vậy, cần thiết phải đầu tư các bãi chứa (gồm bãi chứa chuyên nghiệp và bãi chứa tạm thời) để tiếp nhận, phân loại, xử lý và cung ứng sản phẩm cho công trình. Các bãi chứa này phải đảm bảo kết nối giao thủy (để tiếp nhận và cung ứng sản phẩm), kết nối giao thông bộ (để cung ứng sản phẩm), kết nối bãi chôn lấp chất thải rắn (để sử dụng khi có nhu cầu), không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, có mức chi phí vận chuyển đến và đi phù hợp nhất, chi phí đầu tư thấp...

Về các bãi chứa sử dụng tạm thời: Trước mắt tiếp tục cải tạo, khai thác sử dụng các bãi chứa hiện có (gọi tắt là bãi chứa nhóm 1); kêu gọi doanh nghiệp tư đầu tư, vận hành và sử dụng các bãi chứa đảm bảo điều kiện khi tham gia vào từng dự án (gọi tắt là bãi chứa nhóm 2), các bãi chứa này sẽ xem xét cụ thể khi giao dự án nạo vét.

Về các bãi chứa chuyên nghiệp (bãi chứa nhóm 2): Để đảm bảo tính chuyên nghiệp, ổn định lâu dài, tăng khả năng chủ động sẽ khảo sát đánh giá cụ thể đề xuất đầu tư các bãi chứa tập trung chuyên nghiệp ở vị trí phù hợp, dự kiến đề xuất đầu tư 03 bãi chứa bố trí tại khu vực phía Đông Bắc (01 bãi), Phía Nam (01 bãi) và Phía Tây (01 bãi) của tỉnh Cà Mau (gọi tắt là bãi chứa nhóm 3) để phục vụ tiếp nhận, phân loại, xử lý sản phẩm thu hồi từ nạo vét, cung ứng sản phẩm sau xử lý một cách chuyên nghiệp bằng các nguồn vốn và giải pháp phù hợp, trước mắt ưu tiên thực hiện theo hình thức kêu gọi xã hội hoá. Quy mô đầu tư, nguồn vốn và hình thức thực hiện, việc khai thác vận hành các bãi chứa này sẽ xác định trong từng dự án cụ thể. Bên cạnh đó, thì tiếp tục đầu tư nâng cấp bãi chứa tạm đang sử dụng tại ấp Năm Đám, xã Lương Thế Trân, bãi chứa tại xã Trần Thới nêu trên để làm bãi chứa chuyên nghiệp.

Đối với những sản phẩm không thể sử dụng được sau khi phân loại (nếu có) thì chuyển đến bãi rác thuận lợi nhất để xử lý, việc này sẽ xác định ở từng dự án nạo vét cụ thể trong quá trình thực hiện đề án. Đối với những sản phẩm thuộc tài sản quốc gia như: Cổ vật... thì thực hiện thu hồi theo quy định có liên quan và không thực hiện theo đề án này.

b) Về đầu tư các dự án nạo vét có thể thu hồi sản phẩm để làm vật liệu xây dựng công trình:

Thực hiện đầu tư nạo vét từ nguồn vốn nhà nước và hình thức xã hội hóa đầu tư kết hợp tận thu sản phẩm; trong đó, ưu tiên thực hiện theo hình thức xã hội hoá đầu tư đảm bảo điều kiện thực hiện theo hình thức xã hội hóa kết hợp với tận thu sản phẩm. Nhà nước chỉ đầu tư đối với khu vực phải thực hiện khẩn cấp, khu vực đảm bảo an ninh quốc phòng, các dự án kêu gọi xã hội hoá nhưng không có nhà đầu tư tham gia và các dự án không đủ điều kiện để thực hiện theo hình thức xã hội hóa đầu tư kết hợp tận thu sản phẩm. Việc triển khai thực hiện dự án sẽ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Danh mục dự án thực hiện đầu tư trong Đề án là các đối tượng được xác định và chia thành 02 nhóm sau:

(1) Danh mục các dự án nạo vét có thể thu hồi sản phẩm nạo vét để làm vật liệu xây dựng được xác định từ quy hoạch tỉnh (Cà Mau và Bạc Liêu cũ) về đường thủy, cảng, hệ thống thủy lợi đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, được tổng hợp lại tại Phụ lục 3 đính kèm và Kế hoạch phát triển giao thông thủy của UBND tỉnh.

(2) Danh mục các dự án nạo vét có thể thu hồi sản phẩm nạo vét để làm vật liệu xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của cấp xã, do các xã phường sau khi họp nhất tỉnh đề xuất, được tổng hợp lại tại Phụ lục 4 đính kèm.

3. Quản lý việc xử lý và cung ứng, sử dụng sản phẩm thu hồi từ việc nạo vét cho công trình công trình xây dựng:

a) Về phân loại, xử lý để đưa sản phẩm nạo vét làm vật liệu xây dựng:

Chỉ tận thu sản phẩm nạo vét làm vật liệu xây dựng khi không thuộc chất thải nguy hại và đáp ứng yêu cầu môi trường. Thực hiện đầy đủ quy trình thí nghiệm, phân loại mục đích sử dụng và xem xét, phê duyệt sử dụng vật liệu nạo vét trước khi đưa vào sử dụng đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng. Gắn chặt với yêu cầu về phòng chống sạt lở, bảo vệ bờ sông, bờ biển và bảo vệ môi trường, an toàn công trình. Theo đánh giá sơ bộ thì sản phẩm thu hồi có đưa vào sử dụng làm vật liệu xây dựng là đất cát ở dạng bùn (chiếm hầu hết trong sản phẩm nạo vét), cần phải xử lý tại bãi để đưa về trạng thái, độ ẩm kỹ thuật phù hợp.

b) Việc cung ứng, sử dụng sản phẩm nạo vét để làm vật liệu xây dựng:

Việc cung ứng sử dụng sản phẩm thu hồi từ nạo vét để làm vật liệu cho công trình có thể diễn ra theo một trong hai hình thức đó là:

- Trường hợp sử dụng ngay sản phẩm thu hồi: Trường hợp này sẽ được xác định trong từng dự án cụ thể, có kết hợp nạo vét để tạo nguồn nguyên liệu san lấp, đắp lề đường, gia cố sạt lở... và chỉ có thể áp dụng cho san lấp mặt bằng công trình

nhưng chưa cần sử dụng ngay; đồng thời, giữa dự án nạo vét và dự án xây dựng công trình có xác định trước việc cung ứng, sử dụng vật liệu này.

- Trường hợp chưa thể sử dụng ngay sản phẩm thu hồi: Trường hợp cần phải thực hiện thông qua bãi chứa (để phân loại, xử lý) và cần có đơn vị thực hiện công việc này, ưu tiên thực hiện theo hình thức xã hội hoá và thực hiện chuyên nghiệp. Đối với trường hợp xã hội hoá thì nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm quản lý, khai thác; trường hợp đầu tư bằng ngân sách thì giao UBND cấp xã nơi đặt bãi quản lý, sử dụng sản phẩm nạo vét theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các biện pháp đảm bảo môi trường

Việc xử lý các ảnh hưởng môi trường của từng dự án nạo vét, từ khu bãi chứa sẽ được phân tích, làm rõ và có giải pháp phù hợp khi thực hiện từng dự án cụ thể, đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

5. Huy động nguồn lực để thực hiện

- Chủ yếu tập trung huy động nguồn xã hội hoá theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện nạo vét kết hợp với tận thu sản phẩm đối với trường hợp đủ điều kiện xã hội hoá. Trường hợp, đối với những khu vực không đủ điều kiện thực hiện xã hội hoá thì sẽ thực hiện đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư của nhà nước theo hình thức đầu tư phù hợp hoặc nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư.

- Mời gọi đầu tư một số bãi chứa ở vị trí phù hợp để tiếp nhận, phân loại và xử lý, cung ứng sản phẩm thu hồi khi nạo vét và đặc biệt là làm nơi dự trữ đất để xử lý sạt lở khẩn cấp (nếu có). Nhà nước đầu tư cải tạo nâng cấp bãi chứa tại ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân để tiếp tục sử dụng và làm nơi dự trữ ngân hàng đất xử lý sạt lở khẩn cấp (nếu có) tại vùng trung tâm tỉnh.

- Sử dụng nguồn lực của Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực hiện Đề án này.

6. Lộ trình thực hiện và công trình/dự án trọng điểm của Đề án:

a) Giai đoạn năm 2026 (giai đoạn đầu thực hiện Đề án):

- Hoàn thiện các pháp lý có liên quan đến việc thực hiện Đề án như đã nêu trên và giao nhiệm vụ cho các cơ quan; cơ quan công bố giá vật liệu xây dựng công bố đơn giá sản phẩm thu hồi sau xử lý có đủ điều kiện làm vật liệu xây dựng công trình.

- Thực hiện khảo sát, đánh giá trữ lượng thu hồi.

- Rà soát khai thác các bãi chứa đang có; lập thủ tục đầu tư hoặc kêu gọi đầu tư.

- Thực hiện đầu tư và một số khu vực theo như Phụ lục 3, 4 kết hợp phân loại xử lý và đưa vào khai thác khi sản phẩm có đủ điều kiện.

b) Giai đoạn năm 2027, 2028, 2029:

- Tiếp tục rà soát điều chỉnh và các pháp lý có liên quan đến việc thực hiện Đề án đã ban hành theo tình hình phát sinh thực tế (khi cần thiết); cơ quan công bố

giá vật liệu xây dựng công bố đơn giá sản phẩm thu hồi sau xử lý có đủ điều kiện làm vật liệu xây dựng công trình.

- Thực hiện mời gọi đầu tư các bãi chứa kết hợp phân loại, xử lý, cung ứng sử dụng sản phẩm thu hồi từ nạo vét.

- Thực hiện khảo sát, đánh giá trữ lượng thu hồi và đánh giá chất lượng của công trình đã sử dụng sản phẩm (nếu có), kiểm tra đánh giá và chấn chỉnh (nếu cần thiết) việc quản lý, sử dụng sản phẩm tận thu và vận hành các bãi chứa.

- Tiếp tục đầu tư nạo vét một số khu vực theo như Phụ lục 3, 4 kết hợp phân loại xử lý và đưa vào khai thác khi sản phẩm có đủ điều kiện;

- Thực hiện quyết toán dự án những dự án nạo vét hoàn thành.

- Sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc triển khai thực hiện vào năm 2028 (giữa giai đoạn theo Kế hoạch của Ban thường vụ Tỉnh ủy).

c) Giai đoạn năm 2030 (giai đoạn kết thúc Đề án):

- Đánh giá chất lượng của công trình đã sử dụng sản phẩm (nếu có); đánh giá hiệu quả việc quản lý, sử dụng sản phẩm tận thu và vận hành các bãi chứa.

- Tiếp tục thực đầu tư và một số khu vực theo như Phụ lục 3, 4 kết hợp phân loại xử lý và đưa vào khai thác khi sản phẩm có đủ điều kiện;

- Tiếp tục thực hiện quyết toán dự án hoàn thành.

- Tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, thực hiện Đề án và nghiên cứu đề xuất xây dựng Đề án cho giai đoạn 5 năm tiếp theo (nếu cần thiết).

d) Công trình/dự án trọng điểm của Đề án và thứ tự ưu tiên thực hiện:

Công trình/dự án nạo vét thu hồi sản phẩm trọng điểm của tỉnh sẽ thực hiện theo Kế hoạch phát triển giao thông thủy của UBND tỉnh ban hành, các công trình còn lại khác xác định theo định hướng chung trình bày bên dưới. UBND phường, xã sẽ quyết định thứ tự danh mục công trình ưu tiên, công trình trọng điểm do cấp xã quản lý để thực hiện, đảm bảo đến khi kết thúc Đề án sẽ hoàn thành các mục tiêu, khối lượng của từng địa phương và của cả tỉnh. Việc xác định công trình dự án trọng điểm/ thứ tự đầu tư theo định hướng như sau:

- Đối với công trình/dự án do tỉnh quản lý gồm: (1) Nạo vét các tuyến đường thủy, cửa sông, cửa biển kết nối khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng biển và luồng ra, vào, nơi trú ẩn bão cho các tàu biển; (2) Bãi chứa tại khu vực phía Nam của tỉnh; (3) các tuyến kênh thủy lợi huyết mạch dẫn nước qua nhiều vùng.

- Đối với công trình/dự án do xã, phường quản lý gồm: Nạo vét các tuyến đường thủy để kết nối với tuyến đường thủy trọng điểm nêu trên của tỉnh (danh mục cụ thể do UBND xã quyết định).

- Về thứ tự ưu thực hiện: Tập trung ưu tiên đầu tư các công trình/dự án trọng điểm trước; đối với các công trình/dự án còn lại sẽ được rà soát đầu tư sau cho đảm bảo hiệu quả, thứ tự ưu tiên do cấp được giao quản lý quyết định trong quá trình thực hiện Đề án.

V. PHÂN TÍCH CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

1. Chi phí thực hiện Đề án:

Nguồn kinh phí để thực hiện các dự án trong Đề án chủ yếu là nguồn xã hội hoá (không sử dụng vốn nhà nước) đối với các công trình/dự án đủ điều kiện xã hội theo quy định của pháp luật. Riêng đối với công trình đủ điều kiện xã hội hóa, nhưng trong quá trình thực hiện Đề án, không kêu gọi xã hội hoá được thì Sở Xây dựng sẽ phối hợp với Sở Tài chính báo cáo đề xuất UBND tỉnh sử dụng nguồn vốn Nhà nước để thực hiện. Đối với dự án nạo vét do cấp xã thực hiện thì do UBND cấp xã quyết định hình thức đầu tư và nguồn vốn sử dụng theo như định hướng vừa nêu. Tổng giá trị đầu tư dự kiến trong Đề án là 1.928 tỉ đồng, cụ thể như sau (xem chi tiết tại Phụ lục 5 đính kèm):

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Số thứ tự	Đơn vị triển khai thực hiện	Kêu gọi xã hội hóa từ vốn ngoài nhà nước	Vốn nhà nước đầu tư	Tổng (theo nhóm đơn vị triển khai thực hiện)	Ghi chú
1	Cấp tỉnh triển khai thực hiện	1131	360	1.491 (77%)	Gồm chi phí cải tạo một số bãi chứa hiện trạng
2	Cấp xã triển khai thực hiện	139	298	437 (23%)	
	Tổng (theo nguồn vốn triển khai)	1.270 (66%)	658 (34%)	<u>1.928</u>	

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện Đề án, UBND tỉnh sẽ quyết định đối với kinh phí của nhiệm vụ cấp tỉnh; UBND cấp xã sẽ quyết định đối với kinh phí thuộc nhiệm vụ của cấp xã theo đúng quy định pháp luật.

- Về giá trị đầu tư từng dự án nạo vét, từng bãi chứa và chi phí phục vụ cho các nhiệm vụ quản lý, triển khai Đề án sẽ được cơ quan được giao nhiệm thực hiện xác định cụ thể trong quá trình thực hiện Đề án.

2. Kết quả thực hiện Đề án:

- Thu hồi sản phẩm nạo vét và xử lý để tạo khoảng 9,0 triệu m³ vật liệu để sử dụng cho một số công trình xây dựng tại địa phương trong giai đoạn 2026-2030, góp thay thế một phần vật liệu cát san lấp (ước tính khoảng 2,0 triệu m³ cát san lấp) và tiết kiệm quỹ đất phải đào lấy từ đất bờ kênh, đất sản xuất nông nghiệp... để sử dụng cho những vị trí phải sử dụng vật liệu đất đắp của công trình (ước tính khoảng 7,0 triệu m³).

- Nạo vét duy tu, nâng cấp khoảng 137km ở những vị trí thiết yếu của 43

tuyến đường thủy trong quy hoạch tỉnh và nạo vét duy tu 44 tuyến đường thủy do cấp xã quản lý; nạo vét duy tu, nâng cấp 27 cảng, bến thủy và 16 cửa biển.

- Góp phần vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Thường xuyên theo dõi, tổng hợp, xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu giải quyết các nội dung kiến nghị liên quan đến việc thực hiện Đề án.

- Chịu trách nhiệm thực hiện theo thẩm quyền hoặc tham mưu thực hiện các nội dung liên quan đến Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Luật Xây dựng, Luật Giao thông đường thủy nội địa và các nội dung khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Xây dựng trong thực hiện Đề án.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng việc đầu tư các dự án nạo vét; tham mưu thực hiện mời gọi đầu tư theo quy định hoặc đầu tư nạo vét bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước đối với các tuyến đường thủy, bến thủy, các bãi chứa... thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng.

- Tiến hành sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Đề án vào năm 2028 và tổng kết đánh giá Đề án khi kết thúc vào cuối năm 2030.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chịu trách nhiệm thực hiện hoặc tham mưu thực hiện các nội dung liên quan đến Luật Địa chất và khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, và các nhiệm vụ có liên quan khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định trong thực hiện Đề án này.

- Tham mưu ban hành hướng dẫn và quản lý sử dụng sản phẩm thu hồi từ nạo vét vùng nước đường thủy, bến thủy, kênh thủy lợi... trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc tham mưu mời gọi đầu tư nạo vét theo quy định; chủ trì tham mưu thực hiện đầu tư nạo vét các tuyến kênh thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi đến Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính

- Chịu trách nhiệm thực hiện hoặc tham mưu thực hiện các nội dung liên quan đến Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách và các nội dung khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính trong thực hiện Đề án này.

- Hướng dẫn các đơn vị có liên quan đến lĩnh vực tài chính, đầu tư; tham mưu giải pháp, kế hoạch đảm bảo tài chính thực hiện Đề án.

4. Các sở, ngành liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thực hiện hoặc tham mưu thực hiện các nội dung liên quan đến việc thực hiện Đề án.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Rà soát, đánh giá hiện trạng việc đầu tư các dự án nạo vét; thực hiện kêu gọi đầu tư theo quy định hoặc đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước đối với các tuyến đường thủy, bến thủy, kênh thủy lợi... thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã.

- Rà soát đưa sản phẩm thu hồi đủ điều kiện sử dụng vào một số công trình do mình làm chủ đầu tư; thực hiện đánh giá chất lượng đối với những công trình này.

- Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước theo phân cấp liên quan đến các hoạt động trong Đề án (nạo vét, đầu tư xây dựng, môi trường, an toàn...) tại địa bàn mình quản lý; thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng theo yêu cầu tiến độ thực hiện từng công trình/dự án.

- Tham gia phối hợp của Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan (khi có yêu cầu) trong triển khai đề án; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi đến Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thủ trưởng các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị có liên quan chủ động thực hiện hoặc phối hợp triển khai thực hiện Đề án này theo thẩm quyền và nhiệm vụ được phân công.